

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/DS-PT
Ngày: 28-5-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Nguyễn Công Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2025/QĐ-PT ngày 05/5/2025, Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa số 319/TB-PT ngày 27/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ka R, sinh năm: 1978; cư trú tại tổ D, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 2001; địa chỉ: thôn I, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2546, quyền số 02/2025TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 21/5/2025), vắng mặt.

Bị đơn: Bà Ka H, sinh năm: 1974; cư trú tại tổ D, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ka H1, sinh năm: 1972; địa chỉ: tổ D, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1008, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 27/5/2025), có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Ka H - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/01/2024 của bà Ka R, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị Minh T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thì: Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2022 bà Ka R cho bà Ka H vay nhiều lần với số tiền, lãi suất, mục đích vay và thời hạn vay, cụ thể như sau:

Ngày 29/5/2021 cho vay 5.000.000đ, mục đích để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 05/11/2021 cho vay 390.000.000đ, mục đích để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 12/3/2022 cho vay 20.000.000đ, mục đích để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 24/5/2022 cho vay 50.000.000đ, mục đích để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 20/7/2022 cho vay 15.000.000đ, mục đích để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 29/8/2022 cho vay 23.000.000đ, mục đích để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 04/12/2022 cho vay 20.000.000đ, mục đích để làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Tổng số tiền là 523.000.000đ, đến nay đã quá hạn nhưng bà Ka H vẫn chưa trả gốc và lãi.

Nay bà Ka R có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ka H phải trả số tiền gốc 523.000.000đ và tiền lãi cụ thể là:

Đối với khoản vay ngày 29/5/2021: tính từ ngày 30/8/2021 đến ngày 20/01/2024, tạm tính 28 tháng: $5.000.000đ \times 150\% \times 1,5\% \times 28 \text{ tháng} = 3.150.000đ$; đối với khoản vay ngày 05/11/2021: tính từ ngày 26/02/2022 đến ngày 20/01/2024, tạm tính 21 tháng: $390.000.000đ \times 150\% \times 1,5\% \times 21 \text{ tháng} = 184.275.000đ$; đối với khoản vay ngày 12/3/2022: tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 20/01/2024, tạm tính 17 tháng: $20.000.000đ \times 150\% \times 1,5\% \times 17 \text{ tháng} = 7.650.000đ$; đối với khoản vay ngày 24/5/2022: tính từ ngày 25/8/2022 đến ngày 20/01/2024, tạm tính 15 tháng: $50.000.000đ \times 150\% \times 1,5\% \times 15 \text{ tháng} = 16.875.000đ$; đối với khoản vay ngày 20/7/2022: Tính từ ngày 21/10/2022 đến ngày 20/01/2024, tạm tính 13 tháng: $15.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 1,5\% \times 13 \text{ tháng} = 4.387.500 \text{ đồng}$; đối với khoản vay ngày 29/8/2022: Tính từ ngày 30/11/2022 đến ngày 20/01/2024, tạm tính 12 tháng: $23.000.000đ \times 150\% \times 1,5\% \times 12 \text{ tháng} = 6.210.000đ$; đối với khoản vay ngày 04/12/2022, lãi trong hạn: tính từ ngày 04/12/2022 đến ngày 05/3/2023 là 03 tháng: $20.000.000đ \times 1,5\% \times 03 \text{ tháng} = 900.000đ$, lãi quá hạn: tính từ ngày 06/3/2023 đến ngày 20/01/2024, tạm tính 09

tháng: $20.000.000đ \times 150\% \times 1,5\% \times 09 \text{ tháng} = 4.050.000đ$. Tổng cộng gốc và lãi là: 750.497.500đ và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ka R yêu tính lãi thêm; tổng cộng gốc và lãi là 915.692.000đ.

- Bà Ka H thừa nhận có vay của bà Ka R gồm các khoản cụ thể: ngày 05/11/2021 vay 390.000.000đ; ngày 12/3/2022 vay 20.000.000đ; ngày 29/5/2021 vay 5.000.000đ; ngày 20/7/2022 vay 15.000.000đ; ngày 29/8/2022 vay 20.000.000đ; ngày 04/12/2022 vay 10.000.000đ, tổng số tiền là 460.000.000đ.

Đối với số tiền 50.000.000đ ngày 24/5/2022 thì bà không vay; đối với khoản vay ngày 29/8/2022 thì chỉ vay 20.000.000đ, không phải 23.000.000đ; đối với khoản vay ngày 04/12/2022 thì chỉ vay số tiền 10.000.000đ, không phải 20.000.000đ. Từ khi vay đến nay bà đã trả cho bà Ka R số tiền gốc là 15.500.000đ, cụ thể: trả 8.000.000đ ngày 12/3/2022, trả 4.500.000đ ngày 20/7/2022, trả 3.000.000đ ngày 29/8/2022; khi trả số tiền trên cho bà Ka R thì bà không lập giấy tờ nên không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Khi vay hai bên thỏa thuận không tính lãi. Do vậy, bà chỉ đồng ý trả cho bà Ka R số tiền gốc là 460.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 09/2025/DS - ST ngày 06/3/2025; Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ka R về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với bị đơn bà Ka H.

Buộc bà Ka H phải trả cho bà Ka R tổng số tiền 779.220.100đ, trong đó: tiền vay 523.000.000đ, lãi 256.220.100đ (lãi trong hạn 4.250.000đ, lãi quá hạn 251.970.100đ).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ka R đối với số tiền lãi 136.471.900đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/3/2025 bà Ka H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng xem xét lại các giấy vay tiền, ngoài ra bà chỉ vay số tiền 5.000.000đ nhưng giấy nợ ghi 50.000.000đ là do bà Ka R tự ghi số 0 vào giấy vay tiền, số tiền vay 10.000.000đ bà Ka H vay nhưng con gái đi lấy và bà Ka H tự ghi vào số tiền khác.

Tại phiên tòa,

Bà Ka H và bà Ka H1, người đại diện theo ủy quyền của bà Ka H, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ka H, sửa bản Bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Ka H; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: theo “Giấy vay tiền” vào các ngày 29/5/2021, ngày 05/11/2021, ngày 12/3/2022, ngày 24/5/2022, ngày 20/7/2022, ngày 29/8/2022 và ngày 04/12/2022 bà Ka R cho bà Ka H vay tổng số tiền 523.000.000đ, lãi suất thoả thuận 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, bà Ka H có ký và ghi họ tên; riêng giấy vay tiền ngày 29/5/2021 với số tiền vay 5.000.000đ không có thời hạn vay và giấy vay tiền ngày 05/11/2021 với số tiền vay 390.000.000đ không thể hiện lãi suất nhưng có thời hạn vay 03 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thừa nhận khoản vay ngày 24/5/2022 vay 50.000.000đ, số tiền này do nguyên đơn tự viết thêm số 0, thực chất chỉ vay 5.000.000đ; ngày 29/8/2022 chỉ vay 20.000.000đ không phải vay 23.000.000đ và ngày 04/12/2022 vay số tiền 10.000.000đ không phải vay 20.000.000đ. Xét thấy, các lần bị đơn ký xác nhận thì đều thể hiện số tiền vay được xác định bằng chữ cho các lần vay “năm mươi triệu đồng”, “hai mươi ba triệu chẵn” và “hai mươi triệu đồng chẵn” (BL 49, 54, 55). Ngoài ra, bị đơn cho rằng đã thanh toán được 15.000.000đ tiền gốc nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ka H phải trả cho bà Ka R số tiền gốc 523.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi thấy rằng: tại giấy vay tiền vào các ngày 05/11/2021, ngày 12/3/2022, ngày 24/5/2022, ngày 20/7/2022, ngày 29/8/2022 và ngày 04/12/2022 đều thể hiện lãi suất thoả thuận là 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Bà Ka H cho rằng khi vay bà Ka R không tính lãi nên không đồng ý trả lãi.

Xét thấy, đối với khoản vay ngày 12/3/2022 tính lãi quá hạn từ ngày 13/6/2022 (14.505.000đ); khoản vay ngày 24/5/2022 tính lãi quá hạn từ ngày 25/8/2022 (33.562.000đ); khoản vay ngày 20/7/2022 tính lãi quá hạn từ ngày 21/10/2022 (9.438.750đ); khoản vay ngày 29/8/2022 tính lãi quá hạn từ ngày

20/02/2022 (13.800.000đ) và khoản vay ngày 04/12/2022 tính lãi trong hạn từ ngày 04/12/2022 với mức lãi 1,5%/tháng (900.000đ), lãi quá hạn tính từ ngày 06/3/2023 theo yêu cầu của bị đơn (10.560.000đ) được tính đến ngày xét xử 20/02/2025 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với khoản vay 5.000.000đ ngày 29/5/2021 không thể hiện thời hạn vay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn là không phù hợp. Do đó cần điều chỉnh lại với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 30/8/2021, cụ thể: $5.000.000đ \times 1,5\% \times 44 \text{ tháng} = 3.350.000đ$.

Đồng thời, khoản vay 390.000.000đ ngày 05/11/2021, nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 26/02/2022. Tuy nhiên, tại giấy vay không thể hiện lãi suất và bị đơn không thừa nhận hợp đồng vay có lãi. Do đó căn cứ theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được tính với mức là 10%/năm, cụ thể: $390.000.000đ \times 0,83\% \times 35 \text{ tháng} 24 \text{ ngày}$ (từ ngày 06/02/2022 -> 20/02/2025) = 173.826.900đ (Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất quá hạn và xác định thời hạn chịu lãi là 35 tháng 06 ngày là không đúng).

Như vậy, tổng số tiền lãi là 259.942.650đ. Tổng số tiền mà bà Ka H phải trả cho nguyên đơn là 523.000.000đ tiền gốc + 259.942.650đ tiền lãi = 782.942.650đ.

[3] Với những nhận định trên, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ka H, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Do sửa án nên bà Ka H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ka H; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ka R đối với bà Ka H về việc: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Ka H có trách nhiệm trả cho bà Ka R tổng số tiền là 782.942.650đ (bảy trăm tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng) {(trong đó tiền gốc là 523.000.000đ (năm trăm hai mươi ba triệu đồng), tiền lãi là 259.942.650đ (hai trăm năm mươi chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng))}.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Ka R phải chịu 6.637.467đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 17.009.950đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án thu số 0007017 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Bà Ka R được nhận lại số tiền 10.680.239đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

Buộc bà Ka H phải chịu 35.317.706đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004708 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Bà Ka H còn phải nộp 35.017.706đ.

- Án phí phúc thẩm: Bà Ka H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Ttr, Ktr & THA (01);
- TAND huyện Bảo Lâm (01);
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch